

5. Tiền đặt cọc hoặc ký quỹ trong thời gian đặt cọc hoặc ký quỹ được hưởng lãi theo mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của ngân hàng hoặc kho bạc.

6. Cơ quan cấp giấy phép thăm dò khoáng sản là cơ quan có thẩm quyền yêu cầu nộp, hoàn trả, thu nộp ngân sách nhà nước tiền đặt cọc hoặc tiền ký quỹ.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Thủ tục nộp tiền đặt cọc hoặc ký quỹ.

- Khi dự án thăm dò khoáng sản được chấp nhận, trước khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản thông báo mức tiền đặt cọc hoặc ký quỹ gửi chủ dự án xin thăm dò khoáng sản.

- Căn cứ vào văn bản yêu cầu nộp tiền đặt cọc hoặc ký quỹ của cấp có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân nộp tiền đặt cọc tại Kho bạc Nhà nước hoặc ký quỹ tại một ngân hàng theo yêu cầu của tổ chức hoặc cá nhân thăm dò khoáng sản theo đúng mức tiền đặt cọc hoặc ký quỹ quy định.

- Kho bạc Nhà nước, ngân hàng có trách nhiệm mở tài khoản theo dõi chi tiết theo từng giấy phép, từng tổ chức, cá nhân và làm thủ tục xác nhận việc nộp tiền đặt cọc hoặc ký quỹ.

2. Thủ tục hoàn trả tiền đặt cọc hoặc ký quỹ.

- Sau 6 tháng kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản có hiệu lực, công việc thăm dò được tiến hành đúng tiến độ, đúng kế hoạch thi tổ chức, cá nhân được nhận lại tiền đặt cọc hoặc ký quỹ. Căn cứ vào văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép trả tiền đặt cọc hoặc ký quỹ, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng làm thủ tục hoàn trả tiền đặt cọc hoặc ký quỹ cho tổ chức, cá nhân.

- Sau 6 tháng kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản có hiệu lực mà công việc thăm dò không được tiến hành, giấy phép thăm dò khoáng sản bị thu hồi thì tiền đặt cọc hoặc ký quỹ được nộp vào ngân sách nhà nước.

- Bộ Tài chính ủy quyền cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép ra thông báo thu nộp ngân

sách nhà nước. Kho bạc Nhà nước, ngân hàng căn cứ vào thông báo thu nộp ngân sách nhà nước của cấp có thẩm quyền làm thủ tục nộp số tiền đặt cọc hoặc ký quỹ vào ngân sách nhà nước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký; các quy định trước đây trái với Thông tư này đều không còn hiệu lực thi hành.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

THÔNG TƯ số 13/1998/TT-BTC ngày 5-2-1998 về việc hướng dẫn thu nộp khoản thu phụ thu xăng dầu nhập khẩu vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước đã được công bố theo Lệnh số 47-L/CTN ngày 3-4-1996 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ tại điểm 1 Công văn số 104/CP-KTTH ngày 26-1-1998 của Chính phủ về việc thu phụ thu xăng dầu;

Theo Quyết định số 3/1998/QĐ/BVGCP-TLSX ngày 27-1-1998 của Trưởng ban Ban Vật giá Chính phủ về tỷ lệ phụ thu xăng dầu nhập khẩu;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc thu nộp đối với khoản thu phụ thu mặt hàng xăng dầu nhập khẩu vào ngân sách nhà nước, như sau:

1. Thực hiện thu phụ thu vào ngân sách nhà nước từ ngày 1 tháng 2 năm 1998 đối với các chủng loại xăng dầu nhập khẩu theo tỷ lệ sau:

- Xăng các loại (trừ xăng dùng cho máy bay): 15%

- Naphtha, Refomate và các chế phẩm khác để pha chế xăng: 15%

- Diesel, dầu hỏa, nhiên liệu bay: 18%

- Dầu ma-dút: 10%

tính trên giá nhập khẩu (CIF).

Toàn bộ số tiền thu nêu trên được nộp vào ngân sách nhà nước theo Chương: 058, loại: 10, Khoản: 05, Mục: 026, Tiểu mục: 15, của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Tổ chức thực hiện:

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 2 năm 1998 và được áp dụng đối với tất cả các lô hàng xăng dầu nhập khẩu có Tờ khai hàng nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan bắt đầu từ ngày 1 tháng 2 năm 1998.

Tổng cục Hải quan chỉ đạo các cơ quan hải quan địa phương thực hiện việc thu và nộp khoản phụ thu theo quy định tại Thông tư này.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG